

ĐƯỜNG ĐẾN THƠ MỚI CỦA PHAN KHÔI

Hoàng Thị Hương

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

Email: hoanghuongvn@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/8/2017; ngày hoàn thành phản biện: 18/9/2017; ngày duyệt đăng: 8/01/2018

TÓM TẮT

Môi trường văn hóa – xã hội Việt Nam nhiều biến động trong những năm đầu thế kỷ XX dẫn đến những thay đổi tất yếu về tư tưởng, tình cảm và quan niệm sống. Trong lĩnh vực thi ca, để bắt nhịp và thể hiện được cảm quan thời đại, yêu cầu đổi mới được đặt ra bức thiết hơn bao giờ hết. Là một nhà cựu học nhưng tư duy cực kỳ nhạy bén, Phan Khôi đã sớm nhận diện vấn đề và có những bước chuẩn bị (từ việc tìm hiểu đánh giá thơ cũ, thai nghén ý tưởng mới), đồng thời đóng vai trò người khơi mào cho những cuộc tranh luận về thơ cũ và mới để từ đó thơ Việt hướng đến hiện đại hóa.

Từ khóa: Phan Khôi, đổi mới thơ, hiện đại hóa.

1. DẪN NHẬP

Xã hội Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX nhiều biến chuyển. Môi trường văn hóa thay đổi tất yếu sẽ dẫn đến những thay đổi về quan niệm, tư tưởng, tình cảm. Thơ ca truyền thống mất dần ưu thế vì lối tư duy sáo mòn cùng những thị hiếu thẩm mỹ lỗi thời không còn phù hợp với thời đại. Trước những bế tắc đó, một yêu cầu đặt là phải đổi mới thi ca¹. Đặc biệt, dưới ánh sáng của phong trào Tân thư và văn hóa Pháp, các tầng lớp trí thức càng nhận thấy sự khủng hoảng của nền văn học dân tộc. Nhu cầu cần đổi mới cho thơ ca vì thế trở nên bức thiết hơn bao giờ hết.

Phạm Quỳnh là người đầu tiên trong đội ngũ trí thức tân học nhận thấy sự phiền phức gò bó của thơ cũ. Trong bài viết *Bàn về thơ Nôm* đăng trên *Nam Phong tạp chí* (số 5 tháng 11/1917) ông đã bộc lộ mong muốn phá tung những ràng buộc, khắc nghiệt của thơ cũ rằng: “Người ta thường nói thơ là tiếng kêu thiên nhiên của con tâm.

¹ Các nhà nho duy tân là lực lượng có công trong việc tạo nên một không khí mới trong dòng thơ ca cổ động tuyên truyền, thay đổi hình thức biểu đạt cũ. Song do bị giới hạn trong sở học, đồng thời với mục tiêu dùng văn chương làm phương tiện tuyên truyền cho tư tưởng yêu nước mới (họ không chú trọng mạnh mẽ vào cách tân văn chương) nên những nỗ lực đổi mới của họ chỉ dừng lại ở đó

Người Tàu định luật nghiêm cho nghề thơ thật là muốn chữa lại, sửa lại tiếng kêu ấy cho nó hạ hơn, nhưng cũng nhân đó mà làm mất cái giọng thiên nhiên đi vậy” [4, tr.169]. Ông so sánh giữa thơ Việt và thơ Pháp² nhằm chỉ ra sự tự do trong diễn tả ý tình của lối diễn đạt trong thơ Pháp qua đó bộc lộ khao khát hướng đến cái mới cho thơ.

Sau đó, Nguyễn Văn Vĩnh đã dịch một bài thơ viết theo lối tự do của La Fontaine là *Con ve và con kiến*. Bài thơ này được đăng trên báo *Trung Bắc tân văn* (năm 1928) như là biểu hiện cho sự mong muốn hướng đến sự cách tân thơ Việt.

Tiếp theo, năm 1929 trên *Phụ nữ Tân văn* số 29, Trịnh Đình Ru cũng đã mạnh dạn bộc lộ quan điểm khi cho rằng: “Lối thơ Đường luật bó buộc người làm thơ phải theo khuôn phép tỉ mỉ, mất cả hứng thú tự do, ý tưởng dồi dào. Nếu ngày nay, ta cứ sùng bái lối thơ ấy mãi thì làng văn Nôm ta không có ngày đổi mới được”...

Nằm trong sự đồng thuận với tư tưởng cần giải thoát cho thơ Việt như các nhà tri thức tân học nêu trên nhưng Phan Khôi quyết liệt và triệt để hơn. Lần đầu tiên, trên *Tập văn mùa xuân* (một ấn phẩm phụ trương của báo *Đông Tây*, ở Hà Nội, ra mắt vào dịp tết Nhâm Thân 1932, bài báo *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ* cùng bài thơ *Tình già* xuất hiện (rồi 1 tháng sau đó đăng lại ở *Phụ nữ tân văn*), Phan Khôi đã công khai bày tỏ quan điểm của mình về một sự thay đổi, một sự vượt thoát cần có cho thơ. Như vậy, đường đến thơ mới của Phan Khôi là một chặng dài cùng với những khởi động và chuyển vận sâu xa.

2. NỘI DUNG

2.1. Những chuyển động của Phan Khôi trước khi đưa ra “tuyên ngôn thơ mới”

Trên thực tế, từ năm 1918, Phan Khôi đã nhìn thấy những vấn đề tồn tại cần thay đổi của thơ cũ nên đã có những phân tích, kiến giải khá cò mả, dân chủ trong các bài viết có tính chất điểm duyệt thơ in trên mục *Nam âm thi thoại* ở các tờ báo khác nhau, sau tập hợp thành tập *Chương Dân thi thoại*. Tuy chỉ dừng lại ở việc giới thiệu, lược tuyển, viết lời bạt, lời bình cho thơ song *Chương Dân thi thoại* đã phản ánh khá trung thực quá trình chuyển biến của thơ Việt từ trung đại sang hiện đại. Và cũng từ kết quả bình duyệt hết sức nghiêm túc trong công trình này mà Phan Khôi càng nhận thấy nhất định phải làm mới thơ Việt. Ông cho rằng: “thơ là để tả cảnh tự tình mà hoặc tình hoặc cảnh cũng phải cho quý cho chon. Lối thơ cũ của ta, ngũ ngôn hay thất ngôn, tuyệt cú hay luật thể thì nó bị câu thúc quá. Mà đâu có phóng ra theo lối thất cổ vẫn bị câu thúc. Hễ bị câu thúc thì nó mất cái chon đi, không mất hết cũng già nửa phân. Tôi nhìn thấy trong thơ ta có một điều đáng bi, là bài nào cũng như bài nấy. Cứ rú nhau

² Phạm Quỳnh so sánh bài thơ *Qua đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan với bài *Soir en montagne* (Buổi chiều chơi núi) của Leson Depont.

khen hay thì nó hay, chớ nếu lột tận xương ra mà xem thì chẳng biết cái hay ở đâu...” [1, tr.180].

Trên cơ sở nêu rõ quá trình phát triển thơ ca Việt Nam, Phan Khôi khẳng định các thể thơ vốn có hoặc đã cũ mòn hoặc đánh mất sự tự nhiên của việc làm thơ. Ông nhận định khá gay gắt về những cuốn sách dạy làm thơ Đường luật rằng: “Thấy có một vài cuốn sách quốc ngữ tự xưng dạy phép làm thi mà cũng dạy theo lối khoa cử ấy, thì thật là tọc quá. Thi quý cho nhà; mà đã tọc thì còn dạy ai? Bọn thanh niên bây giờ nếu muốn làm thi mà không biết chữ nho thì học vào đâu? Túng thế tức phải học những sách quốc ngữ dạy thi một cách tọc tẩn hủ bại ấy, thì trách nào chẳng đưa thơ mình vào con đường tối tăm dốt nát?” [3, tr.73].

Theo ông, không thể làm thơ cũ được nữa xuất phát từ hai nguyên nhân, một vì nội dung nghèo nàn, hai vì hình thức bó buộc: “Thơ chữ Hán ư? Thì ông Lý, ông Đỗ, ông Bạch, ông Tô choán trong đầu tôi rồi. Thơ Nôm ư? Thì cụ Tiên Điền, bà huyện Thanh Quan đè ngang ngực tôi, làm cho tôi thở không ra. Cái ý nào mình muốn nói, lại nói ra được nữa, thì đọc đi đọc lại, nghe như họ nói rồi. Cái ý nào họ chưa nói, mình muốn nói ra, thì lại bị những niêm, những vận, những luật bó buộc mà nói không được. Té ra mình cứ quanh quẩn trong lòng bàn tay họ hoài, thật là dễ tức!” [1, tr.178 – tr.179].

Song ông cũng không ảo tưởng thái quá về thay đổi của mình mà chỉ như là một đề xuất nhằm hướng đến cái khác hơn, tìm hướng đi mới, thoát khỏi những ràng buộc cho thơ mà thôi. Phan Khôi đã bộc bạch rất thành thật như thế này khi đưa ra một lối thơ mới: “Chẳng phải là tôi hiếu sự, nhưng vì tôi hết chỗ trong vòng lãnh địa của thơ cũ, tôi phải đi kiếm đất mới, mà miếng đất tôi kiếm được đó chẳng biết có được không, nên mới đem ra trình chánh giữa làng thơ... Tôi tin rằng cái lối thơ của ta đã hết chỗ hay rồi, dường như một nơi để đổ mà vượng khí đã tiêu trầm rồi, ta phải kiếm nơi khác mà đóng đô. Tôi cảm chắc cái việc đề xướng ra đây sẽ thất bại lần nữa, nhưng tôi tin rằng sau này sẽ có người làm như tôi mà thành công” [1, tr.181]. Quan điểm này đã thể hiện khá rõ tinh thần trách nhiệm của một học giả luôn ý thức sâu sắc và đầy tâm huyết rằng cần phải có những thử nghiệm táo bạo để mong tìm cách đổi mới cho thơ. Không chấp nhận cái cũ, lối thời khao khát hướng đến cái mới, cái khác luôn là tinh thần của một nhà học giả chân chính.

Và có lẽ vì muốn thử nghiệm, năm 1928, Phan Khôi đã làm một bài thơ không tuân luật cũ là *Dân quạ đình công*. Bài thơ mới về cảm hứng đề tài, về cách gieo vần, giọng điệu và cả cách đặt tiêu đề (không dùng “dân đen” mà dùng “dân quạ”). Lời thơ không còn trang trọng như lời thơ chữ Hán mà bình dân, suồng sã:

Mồng bảy tháng bảy năm Canh Thân,

Chiều lệ bắc cầu sang sông Ngân

Đường đến thơ mới của Phan Khôi

Hàng hà sa số cu li quạ

Bay bổng về trời đường trảy quân...

Dường như khi viết bài thơ này, Phan Khôi đã cố diễn tả chân thật nhất những xúc cảm về hiện thực cuộc sống bằng những hình ảnh rất sống động, giọng thơ trúc trắc, chất chứa tâm trạng mệt mỏi của “dân quạ” rệu rã với đình công:

Hai bên bờ sông đậu lóc ngóc

Con thì kêu đói, con kêu nhọc...

Tuy *Dân quạ đình công* “được nhiều người hoan nghênh, kể cũng đáng cho là một ngôi sao chói giữa trời thơ” [1, tr.180], song bản thân Phan Khôi chưa hài lòng vì nó vẫn còn sáng tác theo lối thất cổ, ít nhiều vẫn gò bó chưa thật sự bộc lộ được cái chân tình. Với tinh thần này ông đã triệt để chủ trương hãy duy tân đi, đổi mới đi để tìm hướng thoát cho thơ. Và vì thế, sau tất cả những bước chuyển vận ấy, ngày 10 tháng 05 năm 1932 trên tờ *Phụ nữ tân văn* (số 22) với sự xuất hiện của *Tình già* cùng bài giới thiệu *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ*, Phan Khôi đã chính thức đưa ra “tuyên ngôn thơ mới” và đã trở thành người tiên phong tuyên bố phát động cuộc cách mạng lừng lẫy trong lịch sử thơ ca Việt Nam.

2.2. Khởi mào cho những cuộc bút chiến về thơ

Bằng cách công bố bài thơ *Tình già*, Phan Khôi đã nổ phát súng đầu tiên công kích vào thành trì vững chắc, trì trệ của thơ Việt. Bài thơ được công bố dưới dạng một số ví dụ minh họa trong tác phẩm văn học nhưng nó mang nội dung và hình thức của một công trình khoa học. Nhận định về vấn đề này, trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh – Hoài Chân đã phát thốt lên rằng: “Lần đầu tiên trong thành trì thơ cũ hiện ra một lỗ thủng. Ông Phan Khôi hăng hái như một vị tướng quân, dũng dạc bước ra trận”. Như vậy, cùng với *Tình già*, Phan Khôi đã công khai bày tỏ quan điểm của mình về một sự thay đổi, một sự vượt thoát cần có cho thơ. Bài thơ ngang nhiên trình chánh giữa làng thơ khơi mào cho cuộc tranh luận kéo dài mà thắng lợi cuối cùng thuộc về những người chủ trương ủng hộ lối làm thơ mới.

Đề xuất “tuyên ngôn thơ mới” của Phan Khôi cũng đã tạo ra những hiệu ứng xã hội và thẩm mỹ hết sức mạnh mẽ.

Trước hết, đề xuất này đã gây chấn động làng văn, làng báo, tạo ra những cuộc bút chiến sôi nổi, giằng co quyết liệt về thơ cũ và thơ mới với nhiều ý kiến trái ngược nhau.

Đại biểu của phái thơ cũ với những tên tuổi như Chất Hàng Dương Tự Quán, Vân Bằng, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Thương Sơn, Nguyễn Hữu Tiến, Tùng Lâm Lê Cương Phụng, Nguyễn Văn Hanh... đã có rất nhiều ý kiến công kích thơ mới, bảo vệ

thành trì thơ cũ... Họ hầu hết đều qui kết Phan Khôi đã phản bội truyền thống thơ ca, coi ông như là “cái họa”.

Cụ thể là Vân Bằng trên *An Nam tạp chí*, (số 39, ngày 30/4/1932) với bài *Tôi thất vọng về ông Phan Khôi* đã cho rằng *Tình già* không phải là thơ mới mà cũng như Phan Khôi đều dị dạng như nhau, ưa làm những chuyện ngược đời.

Chất Hằng Dương Tự Quán trên *Văn học tạp chí* (số 18, ngày 1/6/1933) trong bài *Ấm Hiếu không thể làm Tú Khôi hay là một cái tỉ hiệu luận giữa Phan Khôi và Nguyễn Khắc Hiếu* đã chỉ trích rất nặng đối với Phan Khôi và cho rằng vì là: “người ít tình cảm thì sự cảm giác về cái bản ngã cũng kém nên Phan Khôi không hay làm thơ.... đôi khi Phan Khôi cũng làm thơ, nhưng thơ của ông cũng “hùng hổ” như ông... hoặc nhạt nhẽo vô duyên như hình dáng của ông. Có lẽ vì thế mà Phan Khôi muốn thay đổi cái hình thức của thơ mà xướng xuất ra một thể thơ mới nó thật ra chẳng mới chút nào, và cũng ít người cùng ông hưởng ứng” [8, tr 82].

Tản Đà nặng nề hơn khi còn muốn làm đao phủ lấy đầu Phan Khôi vì tội phi báng thơ cũ và làm một bài hài đàm để giễu cợt:

“Thơ có họ Phan, đờn họ Quách

Thơ có chữ đờn có tơ?

Đờn thời ngo ngắn thơ vẫn vơ

Tài tử vẫn nhân nương rúa rúa

Bút huê ngao ngán bện đê thơ”.

Theo dẫn liệu mà Vu Gia đã tìm hiểu thì một Tham tá nhu Tư pháp Hà Nội là Tùng Thành Nguyễn Nhún trong tập thơ *Nhà ngâm* đã có một bài công kích Phan Khôi. Bài thơ như sau:

Trách bác Phan Khôi khéo rắc rối,

Theo gương Hồ Thích làm thơ mới.

Câu dài câu ngắn chẳng ra sao,

Vân đụp vắn đơ nghe thật chối.

Hăng hái, Thị Khiêm diễn thuyết khen,

Nhiệt thành, Thế Lữ lao công mãi.

Phải chẳng muốn diễn ý tân kỳ

Hay tại làm thơ cũ kém giỏi?

(Công kích thơ mới)

Tác giả này cho rằng “trăm sự “rối loạn” trên thi đàn vừa qua đều do Phan Khôi lắm chuyện, bày vẽ tào lao và khẳng định “các lối thơ cũ không phải là không đủ để diễn đạt tư tưởng như mấy nhà sinh lối thơ mới vẫn thường cho là thế” [2, tr.296].

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có rất nhiều ý kiến đồng tình với những thay đổi về thơ của Phan Khôi, đặc biệt là phía các nhà tân học như Nguyễn Thị Kiêm, Thế Lữ, Lê Trảng Kiều, Hoài Thanh... Trong đó, Lưu Trọng Lư với bài *Bức thư ngỏ cùng Phan Khôi tiên sinh* (đăng trên *Phụ nữ tân văn*, số 153, tháng 6/1932) đã đánh giá việc làm của Phan Khôi có ý nghĩa đưa ra một lối thoát cho thơ, khi giữa lúc nó đang “triền miên trong cõi chết”, bởi thơ cũ đã không còn phù hợp với tâm thức của thanh niên thời đại mới. Lưu Trọng Lư ca ngợi Phan Khôi là một trong những bậc chân thi nhân, không bao giờ chịu đứng trong cái “lãnh thổ” hẹp hòi ngột ngạt, mà có thể đưa tâm hồn người ta lên tận mây xanh...

Bên cạnh những ý kiến ủng hộ ấy là sự xuất hiện hàng loạt những bài thơ mới như *Đường đời*, *Văng khách thơ* (Lưu Trọng Lư), *Canh tàn*, *Trên con đường cũ* (Nguyễn Thị Mạnh Mạnh)..

Như vậy, ở buổi đầu sơ khai tìm hướng thoát cho thơ ấy, vai trò tạo cú hích của Phan Khôi để sau này thơ mới có những bước tiến xa hơn là một thực tế không thể phủ nhận³. Vu Gia qua công trình nghiên cứu *Phan Khôi, tiếng Việt, báo chí và thơ mới* đã khẳng định rằng: “Ảnh hưởng của bài thơ *Tình già* là tất cả nguyên nhân làm nên phong trào Thơ mới, song sự xuất hiện của nó đã đánh dấu một bước ngoặt, một cột mốc quan trọng trong lịch sử thơ ca Việt Nam. Và nói như Hoài Thanh là “cuộc cách mệnh thi ca đã nhóm dậy”. Tôi nghĩ rằng, một đời thơ để lại cho đời một bài thơ, thậm chí được vài câu thơ cũng đã quý. Đối với bài *Tình già*, dù muốn hay không, Phan Khôi xứng đáng có chỗ đứng đặc biệt trong thơ ca Việt Nam hiện đại” [2, tr 311].

Mặt khác, quan trọng hơn là qua những cuộc tranh luận nảy lửa trái chiều nêu trên, nhiều giá trị của thơ mới được khẳng định và quan niệm về thơ đã có nhiều đổi mới, tạo đà cho thắng lợi về sau của phong trào Thơ mới.

2.3. Xác lập hướng đi khác của thơ Việt Nam

Như đã đề cập, để có được những bước nhảy ngoạn mục tạo nên cuộc cách mạng trong thơ ca, văn học Việt Nam tất nhiên phải trải qua những bước chuyển với nhiều cung bậc, dạng thức khác nhau. Vượt dẫn ra khỏi ảnh hưởng tư tưởng Trung

3 Mặc dù sau này đã có ý kiến cho rằng ngay cả Phan Khôi cũng đã không cho rằng mình là người đi tiên phong của phong trào Thơ mới, thậm chí phủ nhận *Tình già* là thơ mới. Trong buổi tiếp Lưu Trọng Lư và Nguyễn Vỹ tại toàn soạn báo *Phụ nữ thời đàm*, Phan Khôi đã khẳng định nếu mà bảo ông tiên phong thơ mới là lão... Và nhấn mạnh rằng “đừng có nói tầm bậy mà rồi sau này người ta viết lịch sử, văn học người ta cười thúi cho cả đám. Một đứa nói bậy, rồi mấy đứa nói bậy cho mà coi” (Nguyễn Vỹ (2007), *Văn sĩ tiền chiến*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.386).

Hoa cổ, tiếp xúc với những trào lưu tư tưởng, văn hóa, văn học hiện đại phương Tây là con đường mà các trí thức Việt Nam lựa chọn để tiến dần đến hiện đại hóa.

Từ những biến đổi về nhận thức, tư tưởng trong thơ Phan Bội Châu, cho đến sự cách tân phá vỡ cấu trúc quen thuộc để hướng đến khát vọng khẳng định cái tôi trong thơ Tản Đà và chuyên chở cảm thức bụi ngùi, man mác trong thơ yêu nước Trần Tuấn Khải, là một quá trình chuyển vận quá độ làm nhích cầu nối cho sự xuất hiện cái mới trong thơ.

Nhận diện về vấn đề này, Mã Giang Lân đã cho rằng từ đây là quá trình không thuận chiều mà luôn có những đột biến bất ngờ, lúc lên lúc xuống, phân nhánh, chia dòng, đứt gãy, tiếp biến....

Nhận ra sự gò bó, lệ thuộc mà quan trọng là không thể cứ quẩn quanh mãi với những “khuôn phép tí mỉ” của thơ lối thơ Đường, Phan Khôi đã mạnh dạn khởi xướng duy tân. Thật ra nhìn lại quá trình nghiên cứu và sáng tác của ông có thể thấy: từ những dự định ban đầu ở những bài giới thiệu thơ trong mục “Nam Âm thi thoại” trên các báo cho đến khi tổng hợp thành *Chương Dân thi thoại*, rồi công khai trình chánh *Tình già* giữa làng thơ, Phan Khôi đã thể hiện những bước chuyển khá rõ và sắc nét về hình thức, mỹ cảm, nội dung nhằm hướng đến mong muốn tìm một hướng đi mới cho thơ Việt. Chủ đích của ông khá rành mạch và nhất quán.

Như vậy, mốc thời gian 1932 thật sự đã là mốc khởi phát cho phong trào Thơ mới chưa, (đặc biệt là khi *Phụ nữ tân văn* đăng bài *Tình già* của Phan Khôi cùng bài giới thiệu *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ*) vẫn còn nhiều tranh luận⁴, song không thể phủ nhận sức ảnh hưởng của bài thơ có tính “trình chánh” này.

Bởi về hình thức, *Tình già* mà Phan Khôi “trình chánh” giữa làng thơ ấy đã phá hẳn công thức của thi ca cổ điển, thơ Đường luật. Số câu, chữ dài ngắn tự do không đều nhau, chẳng phải *từ* mà cũng chẳng phải *phú*. Đặc biệt cách gieo vần hoàn toàn không còn theo lối bằng trắc như trước (vần đi ở cuối câu chẵn và lẻ, khi bằng khi trắc). Bài thơ cũng không áp dụng lối đối ngẫu của thơ Đường luật mà chỉ duy nhất dùng phép tiểu đối ở câu thứ 3.

⁴ Có nhiều ý kiến cho rằng *Tình già* của Phan Khôi không phải là Thơ mới và cụ thể ý kiến của nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân đã nêu trong bài “Phan Khôi với phong trào Thơ mới” cho rằng những ứng xử của Phan Khôi trong quá trình diễn biến phong trào “thơ mới” có cảm tưởng ông không thuần nhất về quan hệ của ông với phong trào. Trong *Tuấn, Chàng trai nước Việt, chứng tích thời đại đầu thế kỷ XX* của Nguyễn Vỹ, đã ghi lại một đoạn đối thoại qua kí ức nhân vật Tuấn, chàng trai nước Việt của hai nhân vật “bác – cháu” là: Tuấn được gặp cụ hai ba lần ở Hà Nội, trong tòa báo *Phụ nữ thời đàm* mà cụ làm chủ bút. Cụ có cho Tuấn xem bài thơ của cụ gọi là “thơ mới”, toàn một giọng trào phúng. Một lần cụ bảo với Tuấn: “Người ta cứ đổ riệt cho tú Phan Khôi này là đề ra thơ mới. Thiệt là bá láp bá xàm. Tui có ưa làm thơ bao giờ đâu, thơ cũ không làm hướng chi là thơ mới. Để trả lời những anh nói bậy đó, tui tức mình làm bài thơ mới chơi, gọi là “thơ mới” mà chính là để ngạo thơ mới đó”.

Toàn bộ bài thơ được diễn đạt theo cảm xúc của tác giả nên số chữ, số câu, số đoạn, cách ngắt nghỉ không tuân theo qui luật nào. Nhịp thơ nghe như tiếng hị buồn chảy trôi theo câu chuyện của đôi trai gái yêu nhau rồi xa cách rồi gặp lại rồi sót lại chút tình nơi đuôi mắt lúc chia tay. Đặc biệt bài thơ thoát hẳn lối điệu vận của thơ cũ và âm điệu biến đổi linh hoạt.

Vu Gia đã có những phân tích khá kỹ trong cách sử dụng vần rất lạ của Phan Khôi trong *Tình già* như sau:

“Vần trong bài thơ *Tình già*, cơ bản được Phan Khôi sử dụng vần liền tiếp, như: nhỏ - thờ, nặng - đặng, sau - nhau, chỡ - nỡ, nấy - vậy, chông - chung, sau - nhau..., nhưng cũng có chỗ không theo một thứ tự nhất định, như: xưa - mưa - mờ - nhỏ - thờ, thôi - rồi - đuôi. Nhạc điệu của bài *Tình già* là nhạc điệu quen thuộc của dân tộc. *Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa...*, tạo nên ấn tượng buồn, đơn điệu khiến ta nghe như tiếng hò ai oán đâu đó bên bờ bãi ven sông, trên chuyến đò với nhịp chèo mái dãi trong một đêm trăng mờ sao tỏ... Tiếp đến, tác giả dùng vần liền nhau trong một câu làm gọi thêm một ấn tượng buồn khác: *Để đến nỗi tình trước phụ sau, chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau!* Đọc lên, ta thấy câu thơ đã tạo nên một cái gì mất mát, buông xuôi với một tiếng thờ dài bất lực. Kế tiếp, tác giả sử dụng lại vần trắc liền tiếp và loáng thoáng tiếng cười gằn buồn giận: *Hay! Nói mới bạc làm sao chớ? Buông nhau làm sao cho nỡ? Thương được chừng nào hay chừng nấy, chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy!*, làm cho ta nghe như tiếng ghen ngào nước nỏ và... tiếp tục buông xuôi theo số phận, vì *Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng mà tính việc thủy chung?* Câu thơ được ngắt, kết toàn thanh bằng gọi lên một cảm giác buồn, dằn trái, xa vắng. *Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi! Con mắt còn có đuôi*, hơi thơ dài hơn, sóng nhạc triền miên hơn và tứ cũng dồi dào hơn. Cái ai oán ban đầu đã nhường lại cho cái rạo rức của con tim tin yêu về con người, về cuộc đời” [2, tr.309 – 310].

Trước Phan Khôi, các nhà thơ Pháp và Trung Quốc cũng đã đưa ra loại thơ “tự do” không tuân thủ bất cứ qui tắc nào kể cả yêu cầu về gieo vần. Phan Khôi ủng hộ loại thơ này song ông quan niệm rằng, dù có muốn đổi mới, tự do đến mức như thế nào thì thơ khác vẫn xuôi là phải có vần. Do đó ông lập ra bài thơ *Tình già* “tuy không niêm, không luật, không hạn chữ, nhưng mà phải có vần” [1, tr.209], và khẳng định “ấy là tôi làm nó ra theo như cái nguyên tắc tôi đã lập” [1, tr.209] xem như là bài mẫu. Như vậy, có thể nhận thấy rằng, bắt đầu từ những đổi mới có tính sáng tạo của *Tình già* sẽ góp phần cởi trói cho các nhà thơ khỏi những qui tắc gò bó, phức tạp của thơ Đường luật và lục bát. Thơ muốn làm như thế nào là tùy vào xúc cảm của người viết và nó phải thổi được xúc cảm ấy vào tâm hồn người đọc, được người đọc chấp nhận. Về kiểu hình thức có phần tự do này đã làm cho thơ bộc bạch xúc cảm một cách tự nhiên, chân thực và chuyển tải được những cung bậc tình cảm đa dạng, rất đời của con người hiện đại.

Về nội dung, *Tình già* thể hiện sự hiện đại trong quan niệm yêu và sống. Ngay từ tiêu đề bài thơ đã là một sự mới. Trong quan niệm truyền thống tình yêu chỉ dành phần dành cho tuổi trẻ. Song ở đây, Phan Khôi lại không đến *tình trẻ* lại mà *tình già*. Nghĩa là từ Phan Khôi, quan niệm về tình yêu không tuổi tác đã hình thành, mà lại là yêu đương mãnh liệt. Hơn thế nữa đây không phải là kiểu tình cảm đơn thuần của một cặp vợ chồng sống đến đâu bạc răng long, mà là tình yêu của đôi “nhân ngãi”, tha thiết đến độ hai mươi bốn năm sau gặp lại, ôn chuyện cũ... “Liếc đưa nhau đi rồi! Con mắt còn có đuôi”. Không chỉ nhớ thương nhau suốt hai mươi bốn năm qua, mà họ sẽ còn tiếp tục nhớ thương nhau cho đến lúc lìa đời.

Ngoài ra câu chuyện *Tình già* không chỉ là chuyện nam nữ đêm hôm mưa gió tự tình trong lều vắng (mặc dù trong xã hội cũ chuyện này đã là sự khó chấp nhận) mà còn mới mẻ, táo bạo hơn nhiều ở quan niệm tình yêu “nhân ngãi” đâu phải vợ chồng mà tính chuyện thủy chung. Dù là thứ tình cảm trái ngang và ngoài chồng ngoài vợ nhưng *Tình già* vẫn là một tình yêu đích thực của con người. Chỉ riêng bài thơ này cho thấy Phan Khôi đã đi trước thơ mới một chặng dài. Sau này trong thơ mới cũng ít thấy nhà thơ nào đi theo hướng này, ngoài TTKH.

Như vậy, đôi nam nữ trong *Tình già* đã bất chấp rào cản của lễ thói cũ, có cách nghĩ, cách làm quá mới mẻ, quá táo bạo và cũng quá thú vị. Và đúng như Hoài Thanh – Hoài Chân đã nhận định: “khi đọc *Tình già* “một số đông thanh niên trong nước bỗng thấy mở ra một góc trời vì sự táo bạo giầu giém của mình đã được một bậc đàn anh trong văn giới ngang nhiên thừa nhận” [7, tr.20].

Kiểu vượt rào Nho giáo hướng đến cổ súy cho tinh thần tự do yêu đương này nếu so sánh với các tác phẩm của *Tự lực văn đoàn* sau này có lẽ vẫn được xem là mới hơn, bởi nó được bắt nguồn từ một nhà cựu học. Phan Khôi qua bài thơ đã gieo mầm xúc cảm mới mẻ cho người đọc và lưu lại một chuyện tình đẹp, vượt dòng thời gian, táo bạo, rất thực, rất đời.

Sau này, Vũ Đức Sao Biển trong một nghiên cứu cũng đã có nhận xét rằng trong *Tình già* “yếu tố tình dục (sex) được đưa vào một cách kín đáo. Nếu thơ cũ, thơ cổ điển không dám nói đến tình dục thì Phan Khôi lại mạnh dạn đưa vào thơ mới” [6, tr.363 – 364]. Rõ ràng bài thơ như một sắc điệu mới mẻ, vượt qua những biểu hiện dè dặt, công thức của thơ ca trung đại, đề cập đến một mối tình không có trong khuôn khổ Nho giáo. Điều này cho thấy rất rõ sự táo bạo của Phan Khôi với mong muốn canh tân văn học, như là sự thách thức đối với các nhà thơ truyền thống. Vào thời điểm ấy mà Phan Khôi trung ra giữa bàn dân thiên hạ câu chuyện tình cảm của đôi trai gái – “là nhân ngãi” với những quan niệm hết sức mới mẻ như thế quả hiếm hoi. Đặc biệt, “lời kết thể hiện sắc nét thần thái của đôi tình nhân, tình cũ nghĩa xưa làm sao quên “được”, nhưng mà lấy nhau thì không “đặng”. Đây là bài thơ hay, hay vì ý và âm điệu là rung cảm lòng người” [6, tr.352 – 553]. Hơn nữa, Vũ Đức Sao Biển còn cho rằng điều

thứ vị nhất ở *Tình già* là: “Phan Khôi đã đưa tính hay cãi và cãi hay của người Quảng Nam cũng như ngôn ngữ thông dụng Quảng Nam vào bài thơ của mình. Thông thường, đôi lứa ở bên nhau trong căn nhà nhỏ giữa đêm mưa gió – nghĩa là không gian và thời gian rất lý tưởng cho việc ân ái, thì nên giành hết cho nhau những gì mình có được. Thế nhưng, có lẽ lứa đôi này đặc thù truyền thống hay cãi cho nên... họ tranh thủ cãi nhau” [6, tr 363]. Ý kiến này của Vũ Đức Sao Biển càng cho thấy bài thơ rất đáng yêu và rất đời. Và thật sự không thể phủ nhận *Tình già* đánh dấu bước chuyển, xác lập hướng đi khác cho thơ Việt.

Ngoài ra, tiếp cận với thi phẩm này có thể từ lý thuyết ký hiệu học văn hóa để nhìn nhận thêm về giá trị của nó. “Con mắt có đuôi” không chỉ nhìn nhận như là một hình ảnh thơ mà còn là một biểu tượng văn hóa. Ở đó có sự kết tập yếu tố truyền thống và có phẩm chất đương đại để gọi dẫn, chỉ đường và khai mở cho một thơ hiện đại sau đó. Về khía cạnh này cho thấy Phan Khôi đã mở ra một con đường thơ mới thênh thang hơn.

... Rồi từ đó cho đến khi ba năm trước lúc từ già cõi đời, một buổi chiều mùa thu năm 1954, trong phút giây tĩnh lặng hiếm hoi của chuỗi ngày chao đảo tình đời, Phan Khôi đã “ngọt khởi”⁵ bài thơ *Nắng chiều*, mà kỳ lạ thay cũng mang tính bước ngoặt của cuộc đời mình:

Nắng chiều đẹp có đẹp

Tiếc tài gần chạng vạng

Mặc dù gần chạng vạng

Nắng được thì cứ nắng

Bài thơ đã cho thấy sức cháy của nắng, đâu là là nắng chiều. Và có lẽ đúng như những nhận định đầy xúc cảm mà con trai Phan Khôi đã viết trong một cuốn hồi ký về cha mình rằng: “Ông tắm trong nắng, thờ bằng nắng, nhìn bằng nắng và chính nắng dội lên trong ông tất cả cái khá khứ dài dặc, cái hiện tại đây tại ương và cái tương lai ngẩn ngui ở phía trước toàn một màu đen...”⁶. Bài thơ *Nắng chiều* cũng như con đường thơ của Phan Khôi mãi gọi dẫn và chan chứa tinh thần nhiệt huyết của một nhà học thuật luôn khao khát được sáng tạo....

3. KẾT LUẬN

Như vậy, bằng việc đề xuất một quan niệm mới về thơ kèm bài thơ minh họa *Tình già*, Phan Khôi đã tỏ rõ sự nhạy bén và quyết liệt trong tư tưởng. Bài thơ của Phan

⁵ Chữ dùng của nhà báo Trần Tuấn

⁶ Trích từ hồi ký của Phan An Sa có tựa đề là *Nắng được thì cứ nắng*, do nhà xuất bản Tri thức ấn hành năm 2013.

Khôi thành công hay là chưa thành công, mới hay là vẫn chưa thật sự mới đến nay vẫn còn nhiều tranh luận. Song vấn đề mà chúng ta không thể phủ nhận là bắt đầu từ sự “gây sự” này của ông đã kích thích tranh luận và tạo cú hích cho phong trào Thơ mới với những tên tuổi lừng lẫy trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Xuân Diệu.... Và quan trọng hơn hết là đến lúc này, chúng ta đã nhận diện đường đến thơ mới của Phan Khôi là một chặng dài đầy chủ đích và cũng thể hiện khá rõ tư duy sắc sảo, nhạy bén của một tri thức luôn hướng đến những sáng tạo, những thay đổi phù hợp với tâm thức thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lại Nguyên Ân (2009), *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1932*, Nxb Đà Nẵng –Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Đà Nẵng.
- [2]. Vu Gia (2003), *Phan Khôi – Tiếng Việt, Báo chí và thơ Mới*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh
- [3]. Phan Khôi (1996), *Chương dân thi thoại*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [4]. Thanh Lãng (1932), *Phê bình văn học thế hệ 1932* (tập 1 và 2), Nxb Sài Gòn, Sài Gòn.
- [5]. Mã Giang Lân (2000) – (chủ biên), *Quá trình hiện đại hóa Văn học Việt Nam 1900 – 1945*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [6]. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam (2014), “Phan Khôi những đóng góp trên lĩnh vực văn hóa dân tộc”, *Kỷ yếu Hội thảo, Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Nam*.
- [7]. Hoài Thanh, Hoài Chân (2003), *Thi nhân Việt Nam 1932-1941*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Ngọc Thiện và Cao Kim Lan (Biên soạn, sưu tầm)- tập II (2002), *Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX*, Nxb Lao động, Hà Nội.

PHAN KHOI' S WAY TO NEW POETRY

Hoang Thi Huong

Faculty of Humanities and Social Sciences, Duy Tan University, Da Nang

Email: hoanghuongvn@gmail.com

ABSTRACT

The socio-cultural environment in Vietnam with numerous upheaval in the early twentieth century brought about inevitable changes in ideology, sentiment and lifestyle. In poetry, the innovation requests are more urgent than ever in order to express the sense and the real of this times. As an old-day intellectual with extremely sensitive, Phan Khoi soon identified the problem and made preparations (from the evaluation of old poetry, conceiving the new idea), and acted as a pioneer who stimulated the debates about old and new poetry from which Vietnamese poetry approach modernization.

Keywords: modernization, Phan Khôi, renew poetry.



Hoàng Thị Hương sinh ngày 04/06/1976 tại Quảng Ninh. Bà tốt nghiệp Đại học Sư phạm Qui Nhon năm 1998 và Thạc sỹ Ngữ văn năm 2007 tại Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, hiện đang là Nghiên cứu sinh Chuyên ngành Văn học Việt Nam tại Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam. Hiện bà là Giảng viên khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Duy Tân Đà Nẵng.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX đến 1945, văn học đương đại, một số vấn đề về văn hóa làng và du lịch bản làng Việt.